



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện
Taya (Việt Nam) –
Trụ sở chính Đồng Nai**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006
	do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	

414/GPĐC1-BKH-KCN-DN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
414/GPĐC2-BKH-KCN-DN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
414/GPĐC3-BKH-KCN-DN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007
do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp	

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số	472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
	472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
	472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010
	472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011
	472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013
	9830011883	ngày 20 tháng 3 năm 2017
	9830011883	ngày 7 tháng 6 năm 2017
	do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp	

Các Giấy phép Đầu tư và Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch
	Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch
	Ông Shen Shang Hung	Thành viên
	Ông Shen San Yi	Thành viên
	Ông Wang Ting Shu	Thành viên
	Ông Tsai Chung Cheng	Thành viên
	Ông Tu Ting Jui	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Wang Ting Shu	Tổng Giám đốc
	Ông Hsu Ching Yao	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Khu Công nghiệp Biên Hòa II
 Tỉnh Đồng Nai
 Việt Nam

Chi nhánh Xã Cẩm Điền
 Huyện Cẩm Giàng
 Tỉnh Hải Dương
 Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
 Việt Nam

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Trụ sở chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 12 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
– Trụ sở chính Đồng Nai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

103
GT
PH
A C
AY
BT
HỎA

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00005-19-1



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		633.050.268.889	522.079.045.545
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	89.170.731.337	79.432.698.987
Tiền	111		39.170.731.337	39.432.698.987
Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	40.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		243.908.158.428	239.148.367.249
Phải thu của khách hàng	131	5	221.677.597.653	231.189.391.740
Trả trước cho người bán	132		159.268.960	7.122.998.330
Phải thu nội bộ	133	6	22.631.203.362	1.778.416.503
Phải thu khác	136		559.166.665	176.638.888
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.119.078.212)	(1.119.078.212)
Hàng tồn kho	140	7	286.734.431.546	192.178.564.605
Hàng tồn kho	141		287.475.163.545	192.768.551.309
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(740.731.999)	(589.986.704)
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.236.947.578	11.319.414.704
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.347.242.403	1.638.371.987
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	14(a)	11.680.895.175	9.427.220.717
Tài sản ngắn hạn khác	155		208.810.000	253.822.000
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		202.349.810.148	187.922.071.291
Các khoản phải thu dài hạn	210		122.801.647.437	122.801.647.437
Vốn kinh doanh cấp cho chi nhánh	213	8	122.801.647.437	122.801.647.437
Tài sản cố định	220		62.045.730.918	58.699.883.390
Tài sản cố định hữu hình	221	9	61.749.794.118	58.360.638.590
Nguyên giá	222		324.286.969.393	318.525.417.093
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(262.537.175.275)	(260.164.778.503)
Tài sản cố định vô hình	227	10	295.936.800	339.244.800
Nguyên giá	228		1.000.078.800	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(704.142.000)	(660.834.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		15.587.225.861	4.388.875.886
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	15.587.225.861	4.388.875.886
Tài sản dài hạn khác	260		1.915.205.932	2.031.664.578
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.636.234.400	1.775.304.840
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		278.971.532	256.359.738
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		835.400.079.037	710.001.116.836

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		413.383.951.849	283.725.164.026
Nợ ngắn hạn	310		413.383.951.849	283.725.164.026
Phải trả người bán	311	13	77.138.268.585	125.612.439.091
Người mua trả tiền trước	312		5.126.190.506	5.411.662.485
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14(b)	3.896.643.011	1.842.873.433
Phải trả người lao động	314		4.017.358.658	5.620.272.900
Chi phí phải trả	315		1.253.654.356	1.158.069.959
Phải trả khác	319	15	54.567.589.228	268.064.154
Vay ngắn hạn	320	16	267.384.247.505	143.811.782.004
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		422.016.127.188	426.275.952.810
Vốn chủ sở hữu	410	17	422.016.127.188	426.275.952.810
Vốn cổ phần	411	18	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	18	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	20	65.250.116.548	55.773.015.249
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.139.400.003	63.876.326.924
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		15.922.584.525	16.367.844.226
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		34.216.815.478	47.508.482.698
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		835.400.079.037	710.001.116.836

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

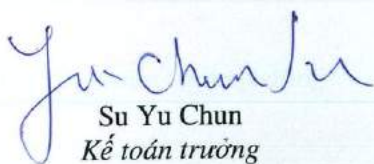
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	705.965.320.959	675.479.877.195
Giá vốn hàng bán	11	23	626.497.939.689	635.879.186.485
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		79.467.381.270	39.600.690.710
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.086.964.919	3.037.178.161
Chi phí tài chính	22	25	10.014.943.902	6.177.283.440
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.249.838.557	3.815.890.666
Chi phí bán hàng	25		10.462.866.601	9.710.537.752
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	20.630.008.881	10.181.481.115
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		41.446.526.805	16.568.566.564
Thu nhập khác	31		18.366.644	2.140.999
Chi phí khác	32		240.244.392	796.374
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(221.877.748)	1.344.625
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		41.224.649.057	16.569.911.189
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	7.030.445.373	3.112.365.976
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	28	(22.611.794)	(75.627.781)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		34.216.815.478	13.533.172.994

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Vương Tíng Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		41.224.649.057	16.569.911.189
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		4.903.023.206	4.507.488.656
Các khoản dự phòng	03		150.745.295	504.185.207
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(230.364.391)	756.025.619
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.684.166.113)	(1.705.243.607)
Chi phí lãi vay	06		7.249.838.557	3.815.890.666
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		51.613.725.611	24.448.257.730
Biến động các khoản phải thu	09		11.325.278.503	(50.588.502.129)
Biến động hàng tồn kho	10		(94.706.612.236)	16.654.001.179
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(51.084.125.092)	93.788.319.956
Biến động chi phí trả trước	12		430.200.024	(464.792.357)
			(82.421.533.190)	83.837.284.379
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.975.096.070)	(3.948.946.265)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.599.756.819)	(1.937.407.130)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.611.107.221)	(1.821.409.694)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(95.607.493.300)	76.129.521.290
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(19.447.220.709)	(5.494.277.494)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		17.430.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		1.284.208.336	1.995.938.052
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.145.582.373)	(3.498.339.442)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		679.553.110.553	149.005.851.024
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34		(556.062.002.530)	(212.825.929.608)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		123.491.108.023	(63.820.078.584)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		9.738.032.350	8.811.103.264
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		79.432.698.987	94.892.516.627
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		-	41.604.503
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	89.170.731.337	103.745.224.394

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Su Yu Chun
 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Wang Ting Shu

 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005 tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-KCN-DN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Trụ sở chính có 288 nhân viên (1/1/2019: 282 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được Trụ sở chính lập và không bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Chi nhánh. Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 cho Công ty (bao gồm Chi nhánh) và cần được đọc đồng thời cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và cấu trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ trang thiết bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ gôn

Phí hội viên câu lạc bộ gôn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 37 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (Cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan bao gồm Chi nhánh Hải Dương, các cổ đông, các công ty mẹ cấp cao và các công ty con và các công ty liên kết của các cổ đông này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	375.094.000	475.664.000
Tiền gửi ngân hàng	38.795.637.337	38.957.034.987
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	40.000.000.000
	89.170.731.337	79.432.698.987

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia	46.167.191.806	52.033.559.344
Công ty TNHH Điện tử Nec Tokin Việt Nam	35.927.595.808	35.193.838.191
Các khách hàng khác	139.582.810.039	143.961.994.205
	221.677.597.653	231.189.391.740

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty TNHH Điện Cơ Teco (Việt Nam)	1.304.500.173	2.084.399.819

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

6. Phải thu nội bộ

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu của Chi nhánh cho việc phân phối cổ tức (Thuyết minh 17 và Thuyết minh 19)	17.439.096.261	-
Phải thu của Chi nhánh từ bán thành phẩm	5.192.107.101	1.778.416.503
	22.631.203.362	1.778.416.503

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Hàng tồn kho

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	60.744.403.190	-	38.887.492.160	-
Nguyên vật liệu	25.379.246.124	-	22.956.308.506	-
Sản phẩm dở dang	16.186.283.817	(671.242.086)	10.227.508.083	(585.359.958)
Thành phẩm	185.165.230.414	(69.489.913)	120.697.242.560	(4.626.746)
	287.475.163.545	(740.731.999)	192.768.551.309	(589.986.704)

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	589.986.704	431.578.767
Tăng dự phòng trong kỳ	150.745.295	504.185.207
Số dư cuối kỳ	740.731.999	935.763.974

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có 19,5 tỷ VND sản phẩm dở dang và thành phẩm (1/1/2019: 10,2 tỷ VND sản phẩm dở dang và thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

8. Vốn kinh doanh cấp cho chi nhánh

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh Hải Dương	122.801.647.437	122.801.647.437

Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh là khoản ứng trước dài hạn cho Chi nhánh vào năm 2007 để tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh. Vốn kinh doanh này không hưởng lãi và được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Trang thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	74.057.396.387	229.143.416.449	9.370.129.293	3.465.254.967	2.489.219.997	318.525.417.093
Tăng trong kỳ	-	1.159.689.548	-	-	-	1.159.689.548
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	7.089.181.186	-	-	-	7.089.181.186
Thanh lý	-	(297.025.730)	-	-	-	(297.025.730)
Xóa sổ	-	(2.190.292.704)	-	-	-	(2.190.292.704)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	74.057.396.387	234.904.968.749	9.370.129.293	3.465.254.967	2.489.219.997	324.286.969.393
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	58.798.601.186	190.498.667.379	5.231.898.129	3.274.074.094	2.361.537.715	260.164.778.503
Khấu hao trong kỳ	876.640.200	3.426.534.206	487.000.200	42.239.400	27.301.200	4.859.715.206
Thanh lý	-	(297.025.730)	-	-	-	(297.025.730)
Xóa sổ	-	(2.190.292.704)	-	-	-	(2.190.292.704)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	59.675.241.386	191.437.883.151	5.718.898.329	3.316.313.494	2.388.838.915	262.537.175.275
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	15.258.795.201	38.644.749.070	4.138.231.164	191.180.873	127.682.282	58.360.638.590
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	14.382.155.001	43.467.085.598	3.651.230.964	148.941.473	100.381.082	61.749.794.118

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 210,53 tỷ VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 213,02 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1/ngày 30 tháng 6 năm 2019	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	660.834.000
Khấu hao trong kỳ	43.308.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	704.142.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	339.244.800
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	295.936.800

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 567 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 567 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	4.388.875.886	5.441.026.742
Tăng trong kỳ	18.287.531.161	4.671.089.886
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.089.181.186)	(5.748.401.342)
Số dư cuối kỳ	15.587.225.861	4.363.715.286

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	1.368.060.811	407.244.029	1.775.304.840
Phân bổ trong kỳ	(28.424.280)	(110.646.160)	(139.070.440)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	1.339.636.531	296.597.869	1.636.234.400

13. Phải trả người bán

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Mitsubishi Corporation RTM International Pte., Ltd.	27.875.283.939	27.875.283.939	-	-
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.	2.855.882.000	2.855.882.000	74.715.015.403	74.715.015.403
– một bên liên quan Công ty TNHH Điện Cơ Teco (Việt Nam)	11.363.000	11.363.000	18.095.000	18.095.000
– một bên liên quan Các nhà cung cấp khác	46.395.739.646	46.395.739.646	50.879.328.688	50.879.328.688
	77.138.268.585	77.138.268.585	125.612.439.091	125.612.439.091

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2019 VND	Phát sinh VND	Hoàn lại VND	Cần trừ VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	9.427.220.717	71.117.581.300	(17.427.220.717)	(51.436.686.125)	11.680.895.175

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cần trừ VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	51.436.686.125	-	(51.436.686.125)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	40.906.669.243	(40.906.669.243)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.275.544.657	7.030.445.373	(4.599.756.819)	-	3.706.233.211
Thuế thu nhập cá nhân	567.328.776	855.159.844	(1.232.078.820)	-	190.409.800
	1.842.873.433	100.228.960.585	(46.738.504.882)	(51.436.686.125)	3.896.643.011

15. Phải trả khác

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 19)	54.304.630.140	-
Phải trả khác	262.959.088	268.064.154
	54.567.589.228	268.064.154

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Vay ngắn hạn

	1/1/2019		Biến động trong kỳ			30/6/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	143.811.782.004	143.811.782.004	679.553.110.553	(556.062.002.530)	81.357.478	267.384.247.505	267.384.247.505

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng TNHH CTBC, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	3,0 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	64.719.879.039	-
The Shanghai Commercial & Saving Bank, Ltd., Chi nhánh Offshore Banking (b)	5,0 triệu USD	LIBOR 6 tháng + 1,2%	50.043.644.346	-
Mega International Commercial Bank, Chi nhánh Tainan (a)	3,5 triệu USD	Chỉ phí huy động vốn + 1,1%	49.034.786.070	18.469.955.150
Ngân hàng SinoPac, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	3,0 triệu USD	Chỉ phí huy động vốn + 1,5%	35.777.410.938	65.902.957.353
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	4,0 triệu USD	LIBOR 6 tháng + 1,2%	35.085.777.210	-
Ngân hàng Hua Nan Commercial, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	4,5 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 2%	32.722.749.902	59.438.869.501
			267.384.247.505	143.811.782.004

- a. Các khoản vay này không được đảm bảo.
- b. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	306.899.450.637	(272.840.000)	45.058.840.578	84.460.169.160	436.145.620.375
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	10.714.174.671	(10.714.174.671)	-
Chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.821.409.694)	(1.821.409.694)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	13.533.172.994	13.533.172.994
Cổ tức – 100%	-	-	-	(82.837.571.400)	(82.837.571.400)
Cổ tức – 32,93% được trả từ lợi nhuận chưa phân phối của Chi nhánh	-	-	-	27.280.830.831	27.280.830.831
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2018	306.899.450.637	(272.840.000)	55.773.015.249	29.901.017.220	392.300.643.106
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	33.975.309.704	33.975.309.704
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	306.899.450.637	(272.840.000)	55.773.015.249	63.876.326.924	426.275.952.810
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	9.477.101.299	(9.477.101.299)	-
Chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.611.107.221)	(1.611.107.221)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	34.216.815.478	34.216.815.478
Cổ tức – 100% (Thuyết minh 19)	-	-	-	(54.304.630.140)	(54.304.630.140)
Cổ tức – 32,11% được trả từ lợi nhuận chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 19)	-	-	-	17.439.096.261	17.439.096.261
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	306.899.450.637	(272.840.000)	65.250.116.548	50.139.400.003	422.016.127.188

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.626.610.637	30.680.582	306.626.610.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau đối với phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

19. Cổ tức

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 11 tháng 4 năm 2019 đã quyết định phân phối khoản cổ tức với tổng số tiền là 54.305 triệu VND (1.770 VND một cổ phiếu) (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 82.838 triệu VND).

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị vào ngày 20 tháng 6 năm 2019, khoản cổ tức trên sẽ được trả thông qua lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Trụ sở chính và Chi nhánh với tỷ lệ lần lượt là 67,89% và 32,11%.

20. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Trong vòng một năm	3.610.152.000	3.610.152.000
Trong vòng hai đến năm năm	11.935.844.000	12.311.558.600
Sau năm năm	52.886.371.800	54.315.733.200
	68.432.367.800	70.237.443.800

(b) Hàng hóa nắm giữ cho các bên thứ ba

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Hàng hóa giữ hộ cho khách hàng	2.532.184.087	-

(c) Ngoại tệ

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	148.738	3.455.195.066	235.632	5.456.116.466

22. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	700.893.100.721	670.516.147.900
▪ Bán hàng hóa	90.667.238	148.922.795
▪ Bán phế liệu	4.981.553.000	4.814.806.500
	705.965.320.959	675.479.877.195

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	626.267.831.859	635.252.613.360
▪ Hàng hoá đã bán	79.362.535	122.387.918
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	150.745.295	504.185.207
	626.497.939.689	635.879.186.485

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.666.736.113	1.705.243.607
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.420.228.806	1.331.934.554
	3.086.964.919	3.037.178.161

25. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
Chi phí lãi vay	7.249.838.557	3.815.890.666
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.765.105.345	2.361.392.774
	10.014.943.902	6.177.283.440

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
Chi phí nhân viên	6.012.056.632	5.758.395.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.948.387.071	995.349.333
Chi phí khác	3.669.565.178	3.427.736.148
	20.630.008.881	10.181.481.115

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	652.235.835.758	571.802.721.623
Chi phí nhân công và nhân viên	23.531.868.627	21.924.543.045
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.903.023.206	4.507.488.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.122.769.328	17.701.340.237
Chi phí khác	18.073.156.260	17.104.058.470

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	7.030.445.373	3.112.365.976
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(22.611.794)	(75.627.781)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7.007.833.579	3.036.738.195

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	41.224.649.057	16.569.911.189
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	6.183.697.359	2.485.486.678
Chi phí không được khấu trừ thuế	384.466.988	356.526.184
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các khoản thu nhập khác và các dự án đầu tư mở rộng	439.669.232	194.725.333
	7.007.833.579	3.036.738.195

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các ưu đãi thuế trên không áp dụng đối với các khoản thu nhập từ các dự án mở rộng đã được Trụ sở chính đầu tư trước năm 2009 và sau năm 2015 và các khoản thu nhập khác; các khoản thu nhập này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông. Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ và tại thời điểm cuối kỳ/năm, Trụ sở chính có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.				
Mua nguyên vật liệu	4.023.296.644	569.021.265.681	2.689.079.400	74.563.871.420
Phí bản quyền và phí UL (*)	951.472.398	943.341.755	166.802.600	151.143.983
Phí dịch vụ	9.412.807.500	-	-	-
Công ty TNHH Điện Cơ Teco (Việt Nam)				
Mua nguyên vật liệu	22.410.000	-	11.363.000	18.095.000
Bán thành phẩm	4.735.822.364	6.588.584.469	1.304.500.173	2.084.399.819
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương				
Bán thành phẩm	8.979.670.029	5.882.646.035	5.192.107.101	1.778.416.503
Cổ tức phải thu	17.439.096.261	27.280.830.831	17.439.096.261	-
Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd.				
Cổ tức đã phân phối (**)	43.462.654.440	66.298.964.400	43.462.654.440	-

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Ban quản lý chủ chốt				
Thù lao cho thành viên Ban Tổng Giám đốc	514.705.500	455.453.100	77.354.000	282.624.100
Thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.611.107.221	1.821.409.694	-	-
Cổ tức được chia cho thành viên Hội đồng Quản trị	576.600.510	485.805.600	576.600.510	-
Phí bảo lãnh trả cho Ông Shen Shang Pang – Chủ tịch	267.631.569	113.951.314	214.037.248	108.721.405

(*) Theo các thỏa thuận về bản quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL giữa Trụ sở chính và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. (công ty mẹ cấp cao nhất), Trụ sở chính có quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL của 13 sản phẩm thuộc sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Cũng theo các thỏa thuận này, Trụ sở chính sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần và phí sử dụng giấy chứng nhận UL bằng 0,1% trên doanh thu thực sự phát sinh từ các sản phẩm này.

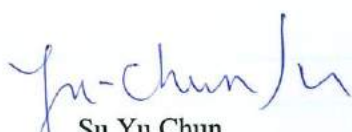
(**) Đây là toàn bộ cổ tức chia cho Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd., công ty mẹ, trong đó 32,11% được trả bằng lợi nhuận chưa phân phối của chi nhánh (Thuyết minh 19).

30. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:


Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc